Quản lý cửa hàng cà phê

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Use case Number | UC2 | |
| Use case name | Thống kê Chi trả | |
| Actor | Nhân viên quản lý | |
| Maturity | Focus | |
| Summary | Nhân viên quản lý sẽ thống kê Doanh thu của Quán theo thời gian định kì hoặc ngẫu nhiên. Có thể thống kê theo Ngày - Tháng - Năm. | |
| Basic of Course Events | Actor Action | System Response |
|  | 1/ Chọn danh mục thống kê  3/ Chọn ‘Thống kê chi trả’    5/ Nhập thời gian muốn thống kê  10/ Chọn In danh sách **A1** | 2/ Hiện giao diện thống kê  4/ Yêu cầu nhập thời gian muốn Thống kê  6/ Kiểm tra Thời gian nhập **E1**  **7/** Tìm kiếm các hóa đơn bán và Nhập có thời gian phù hợp với thời gian đã nhập  8/ Tính tổng số tiền chi trả  9/ Hiển thị tổng số tiền trả  11/ Kết thúc |
|
|
|
|
| Alternative paths | **A1**: Người dùng chọn In Danh sách   * OK: In danh sách Nguyên liệu sau đó đến **Bước 8** * Cancel: Quay lại **Bước 9** | |
| Exception paths | **E1:** Kiểm tra thông tin nhập vào   * Hợp lệ: Đến **Bước 7** * Không hợp lệ: Quay lại **Bước 5** | |
| Extension points |  | |
| Triggers |  | |
| Assumption | - Nhân viên phải đăng nhập vào trong hệ thống | |
| Preconditions | - Nhân viên phải có tài khoản đăng nhập  - Nhân viên có quyền thống kê | |
| Postconditions | - Tính tổng tiền chi trả của các hóa đơn Nhập vào quán | |
| Reference Business Rules |  | |
| Activity Diagram: | | |
|
| Authors |  | |
| Date |  | |

